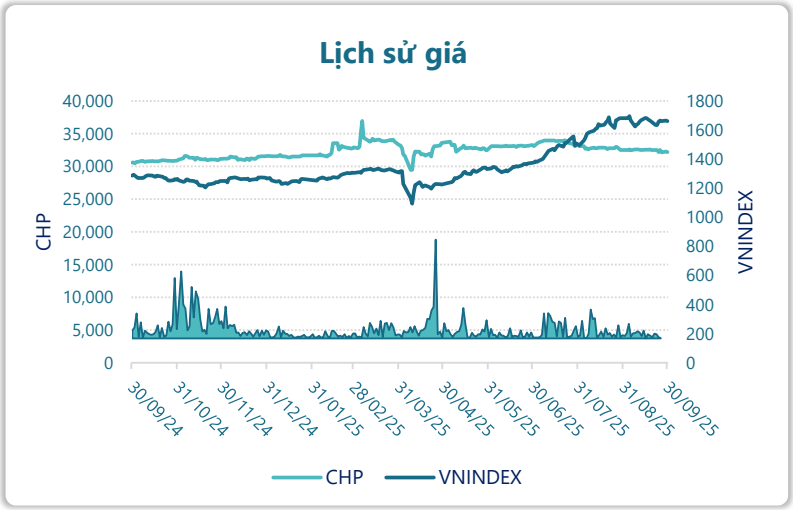
FireAnt

CTCP Thuỷ điện Miền Trung (HSX: CHP)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**32,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,955
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,472
SL cổ phiếu LH	146,912,668
KLGD BQ 20 phiên (CP)	27,025
% sở hữu nước ngoài	2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,731
P/E	9.7
EPS	3,334

DT thuần

Q3/25

194

tỷ VNĐ

QoQ: ▼43.0| -18.0%

YoY: ▲ 21.0| 12.3%

LN sau thuế

Q3/25

78.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼26.9| -25.6%

YoY: ▲ 22.8| 41.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

47.2%

+/- YoY: ▲ 5.9%

DT thuần

9T 2025

665

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 205| 44.5%

LN sau thuế

9T 2025

303

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 176| 139%

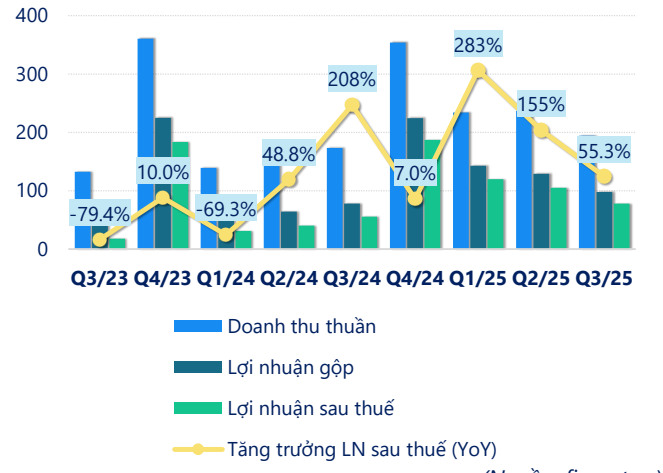
ROE

Q3/25

26.1%

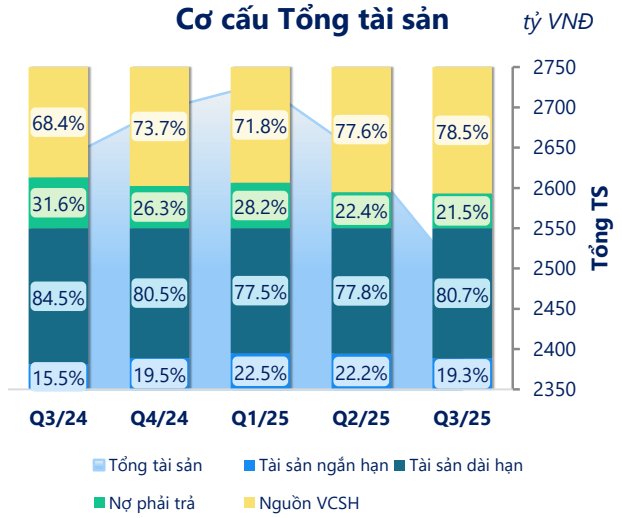
+/- YoY: ▲ 9.2%

Kết quả kinh doanh



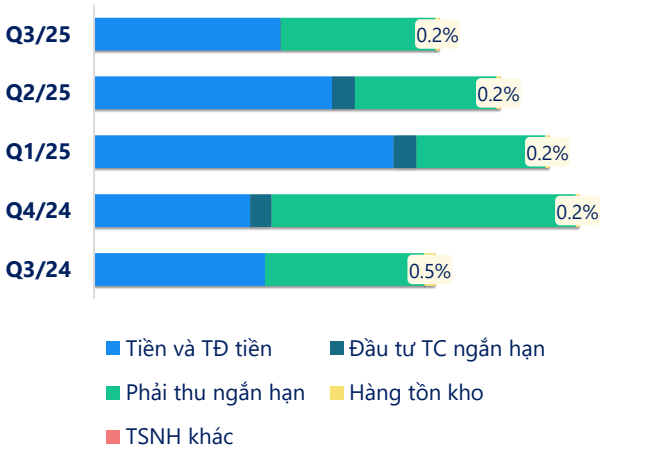
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



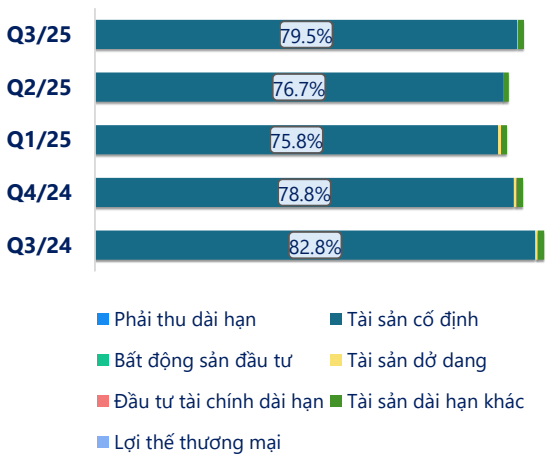
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



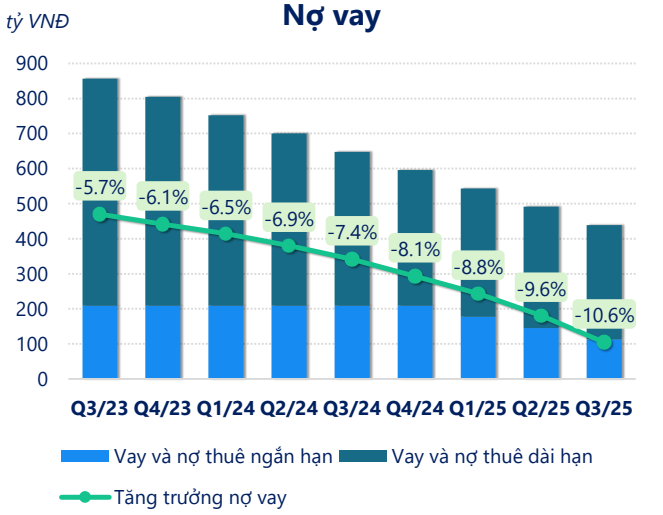
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



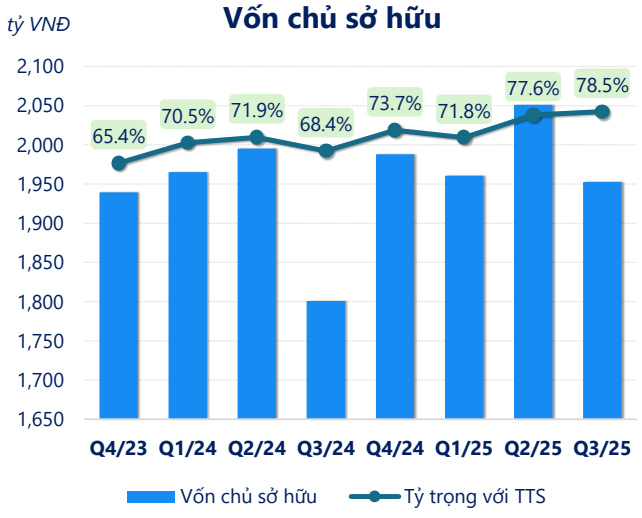
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



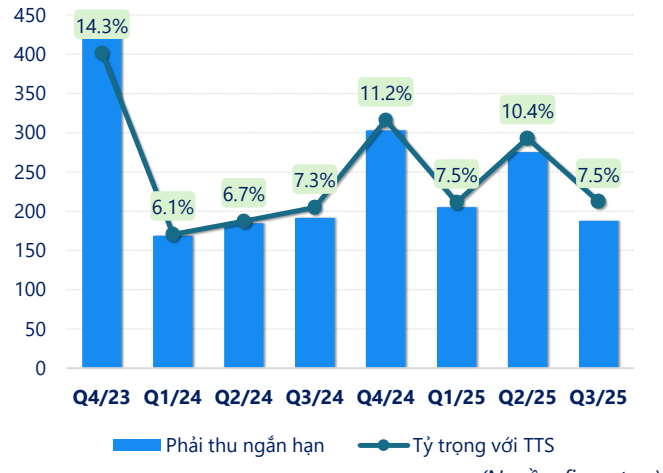
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



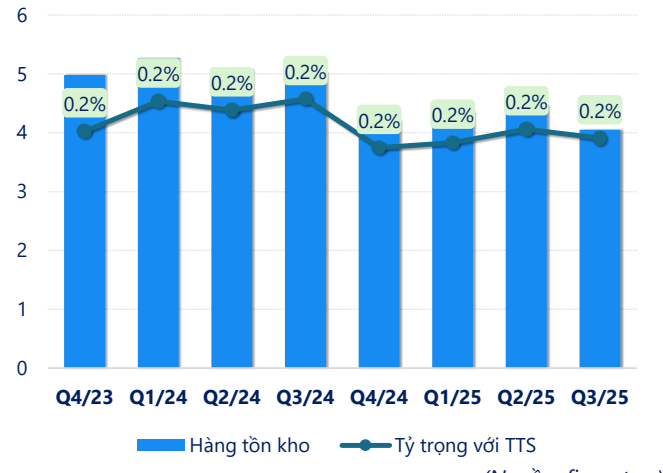
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



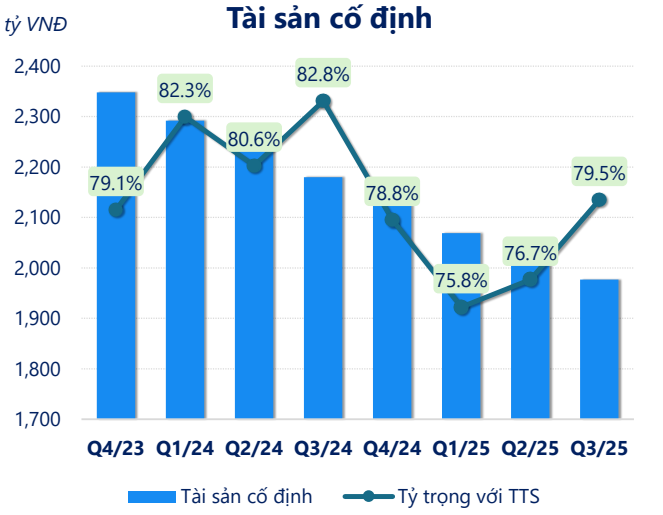
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



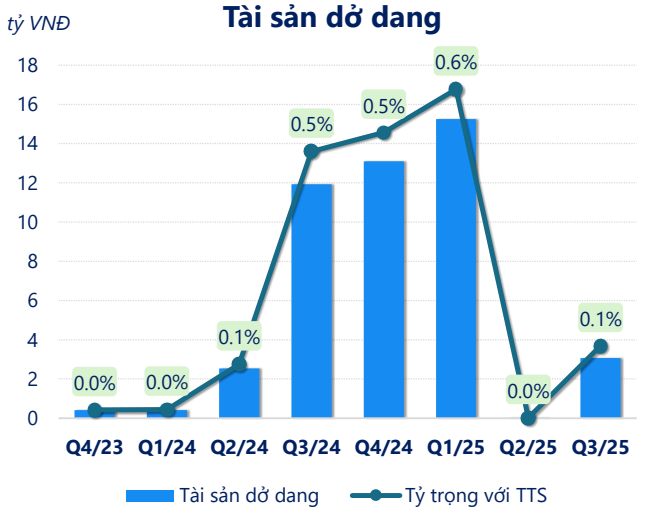
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



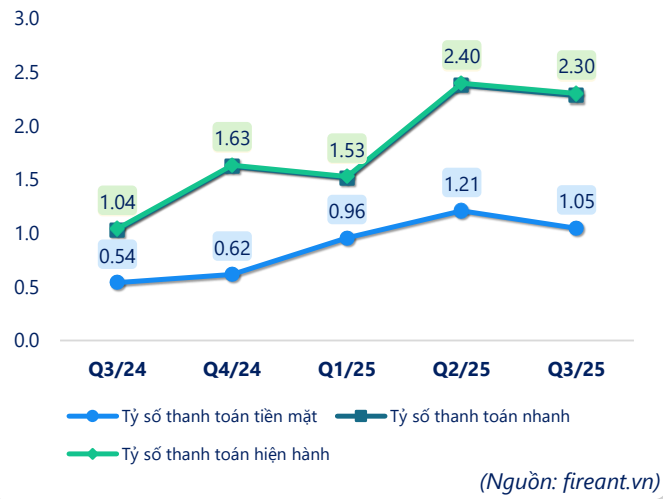
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



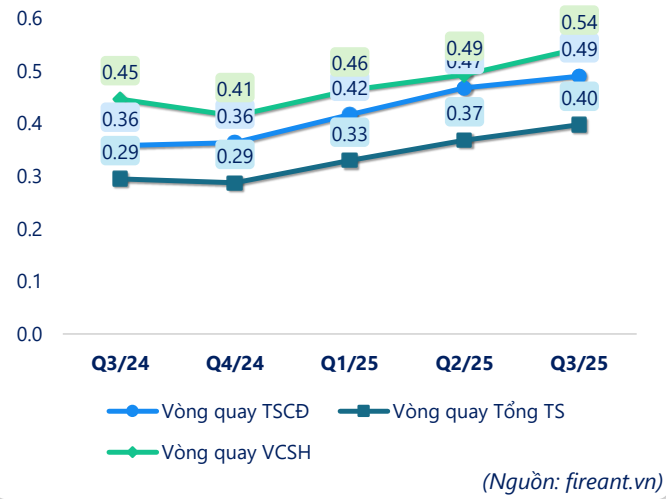
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**2,632**	**2,696**	**2,729**	**2,642**	**2,488**
Tài sản ngắn hạn	**409**	**525**	**615**	**586**	**481**
Tiền và tương đương tiền	212	198	384	295	218
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.13	20.0	20.0	10.0	70.1
Phải thu ngắn hạn	192	303	205	275	188
Hàng tồn kho	5.02	4.21	4.36	4.47	4.05
Tài sản ngắn hạn khác	0.51	0.36	0.87	0.76	0.51
Tài sản dài hạn	**2,224**	**2,171**	**2,115**	**2,056**	**2,008**
Phải thu dài hạn	0.12	0.12	0.12	0	0
Tài sản cố định	2,180	2,124	2,069	2,027	1,977
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11.9	13.1	15.3	0.02	3.06
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0.13	0.13	0.13	0
Tài sản dài hạn khác	31.4	33.3	29.9	28.1	27.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**832**	**708**	**769**	**591**	**535**
Nợ ngắn hạn	**392**	**322**	**402**	**245**	**209**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	209	209	177	145	113
Phải trả người bán ngắn hạn	29.4	23.6	22.2	20.8	21.1
Nợ dài hạn	439	387	366	346	327
Vay và nợ thuê dài hạn	439	387	366	346	327
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,801**	**1,988**	**1,960**	**2,051**	**1,953**
Vốn chủ sở hữu	**1,801**	**1,988**	**1,960**	**2,051**	**1,953**
Vốn điều lệ	1,469	1,469	1,469	1,469	1,469
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)